

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2023.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến;
Bà Nguyễn Thị Thương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1974.

Nơi thường trú: Số 18, phố T phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Hữu Đ, sinh năm 1969.

Nơi thường trú: Số 18, phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 218, phố N, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đoàn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hữu Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đông S (nay là phường A, thành phố T), tỉnh Thanh Hóa. Việc kết hôn của

anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 12/2018, vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 01/9/1993 và cháu Lê Thị T, sinh ngày 02/02/1999. Hiện nay cả hai con đều đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Hữu Đ đến Tòa án để làm bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai và tham gia phiên họp.

Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Quá trình chung sống tại địa phương giữa chị H và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn, kể từ tháng 12/2018 cho đến nay chị H và anh Đ đã sống ly thân nhau. Nay chị H làm đơn khởi kiện ly hôn anh Đ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: chị H và anh Đ có 02 con chung nhưng đều đã thành niên.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật,

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huệ.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Vì vậy việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Lê Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[3]. Về hôn nhân: Chị H và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Xác minh tại địa phương thì trong cuộc sống vợ chồng anh Đ và chị H có xảy ra mâu thuẫn. Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ đã không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp chứng tỏ anh cũng không tha thiết hòa giải để đoàn tụ gia đình. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Huệ, cho chị được ly hôn anh Đ là có cơ sở.

[4]. Về con chung: Chị H và anh Đ có hai con chung là cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 01/9/1993 và cháu Lê Thị T, sinh ngày 02/02/1999. Hiện nay cả hai con đều đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Lê Hữu Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ có hai con chung là cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 01/9/1993 và cháu Lê Thị T, sinh ngày 02/02/1999. Hiện nay cả hai con đều đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải nộp 300.000@ , n phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào sè tiền t¹m ợng , n phí 300.000@ chị ®· nếp theo bi^an lai sè AA/2022/0002705 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành , n đôn sù Thụnh phè Thanh Hãa (chị H đã nộp đủ án phí).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND P. A, TP Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương

